TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/HNGĐST
Ngày 30-5-2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Hoàng**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C** – sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn N** – sinh năm 1950 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Có nơi cư trú cuối cùng tại: tổ 03, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 29/3/2018 và ngày 18/4/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:***

Bà và ông Bùi Văn N chung sống với nhau vào năm 1972, có đăng ký kết hôn tại Tòa hành chánh Quận A, Đô Thành Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 03/5/1972. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: Bùi Hữu P – sinh năm 1972, Bùi Thị Thanh T – sinh năm 1979 và Bùi Hữu H – sinh năm 1983, hiện tại đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn ông Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên ông N không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp. Ông Bùi Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt không lý do; ngoài ra bà C yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông Bùi Văn N.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Thị C và ông Bùi Văn N chung sống với nhau được Tòa hành chánh Quận A, Đô thành Sài Gòn cấp chứng thư hôn thú vào ngày 18/5/1972, đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C: Xét thấy bà C và ông N chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Bà C và ông N đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Bùi Văn N.

Về quan hệ con chung: Có 03 người con chung, gồm: Bùi Hữu P – sinh năm 1972, Bùi Thị Thanh T – sinh năm 1979 và Bùi Hữu H – sinh năm 1983, hiện tại đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

***Về án phí HNGĐST**:* Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

***Xử**:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Bùi Văn N.

2. Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007807 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn ông Bùi Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo